TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HS-ST
Ngày 19-12-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Lê Văn Tài.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Hùng.
2. Ông Tạ Kỳ Trung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Hạnh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: Ông Lý Trọng Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 72/2022/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Lê Thị Mỹ H, sinh năm 1984, tại tỉnh Vĩnh Long, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Số 73/46, kênh N, phường H A, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn) 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Bá A (đã chết) và bà Lê Thị A1; chồng: Không có, con: 01 người, sinh năm 2016 (con nuôi); tiền án: Tại Bản án số: 770/2005/HSST ngày 18/5/2005 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, áp dụng khoản 1 Điều 313, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Thị Mỹ H 01 năm 04 tháng tù về tội "Che giấu tội phạm" (chưa đóng án phí); Tại Bản án số: 177/2019/HSST ngày 17/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Thị Mỹ H 02 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (chưa đủ thời hạn để được xóa án tích); tiền sự: Không có; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/9/2022, tạm giam ngày 09/9/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Trần Minh T, sinh năm 1992, tại tỉnh Tây Ninh, nơi đăng ký nhân

khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Số 39L B, phường V, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hoá (học vấn) 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh C và bà Trần Thị B; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Từ ngày 09/12/2008 chấp hành hình phạt 05 năm 03 tháng tù về tội "Cướp tài sản" tại Trại giam Mỹ Phước thuộc tỉnh Tiền Giang đến ngày 31/8/2011 chấp hành xong về sinh sống tại địa phương (đã được xóa án tích); từ ngày 13/12/2018 chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 21 tháng tại Cơ sở cai nghiện Bố Lá thuộc tỉnh Bình Dương đến ngày 04/7/2020 chấp hành xong về sinh sống tại địa phương (đã đủ thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính). Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/9/2022, tạm giam ngày 09/9/2022 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Trần Nguyễn Ngọc F, sinh năm 2000, trú tại: Khu phố A, phường V, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Phong L, sinh năm 2000, trú tại: Ấp A, xã B, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An; Có mặt.

Người làm chứng: Anh Lê Văn N, sinh năm 1989, trú tại: Ấp B, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, bị cáo Trần Minh T bàn bạc với bị cáo Lê Thị Mỹ H rủ chị Trần Nguyễn Ngọc D đến phòng trọ của bị cáo H chơi rồi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt xe môtô của chị D đem bán thì bị cáo H đồng ý.

Vào khoảng 15 giờ ngày 25/8/2022, theo lời mời của bị cáo H, chị D điều khiển xe môtô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn đỏ-đen, biển số 62S1-276.18 đến phòng trọ số 3 nhà trọ Hoàng Phong thuộc khu phố Hòa Hội, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Tại đây, bị cáo T nói dối chị D là mượn xe môtô biển số 62S1-276.18 để đi mua thuốc lá rồi điều khiển xe ra đường nhựa phía trước nhà trọ đợi bị cáo H. Khoảng 10 phút sau, bị cáo H nói dối với chị D là đi mua nước để ra ngoài cùng bị cáo T điều khiển xe môtô biển số 62S1-276.18 đi bán. Bị cáo T điều khiển xe môtô chở bị cáo H đến khu vực bến xe Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bán xe môtô cho một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) với số tiền 10.000.000 đồng và tiêu xài hết. Sau khi phát hiện đã bị bị cáo T và bị cáo H lừa đảo chiếm đoạt xe môtô nên chị D đã đến Công an trình báo sự việc. Ngày 03/9/2022, bị cáo T và bị cáo H bị Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng bắt giữ và thừa nhận toàn bộ sự việc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 34/KL-HĐĐGTS, ngày 07/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự thị xã Trảng Bàng kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Exciter, màu sơn đỏ-đen, biển số 62S1-276.18 trị giá 37.200.000 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Không có.

Qua xác minh, bị cáo H và bị cáo T không có tài sản.

Về trách nhiệm dân sự, chị D yêu cầu bị cáo H và bị cáo T bồi thường số tiền 37.200.000 đồng, hiện các bị cáo chưa bồi thường.

Tại bản Cáo trạng số 75/CT-VKSTrB ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Lê Thị Mỹ H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Minh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Thị Mỹ H và Trần Minh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 174, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo H mức án từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 174, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo T mức án từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận các bị cáo đồng ý có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị D số tiền 37.200.000 đồng.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo H: Qua thời gian bị tạm giam bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn, hối hận, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm quay về với gia đình và trở thành người công dân tốt.

Lời nói sau cùng của bị cáo T: Qua thời gian bị tạm giam bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn, hối hận, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và bị cáo H để các bị cáo sớm quay về với gia đình và trở thành người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Trảng Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, các vật chứng được thu giữ, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Cụ thể: Vào khoảng 15 giờ ngày 25/8/2022, tại khu phố Hòa Hội, phường An Hòa, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, bị cáo Lê Thị Mỹ H đã phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, chưa được xóa án tích lại tiếp tục cùng với Trần Minh T dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt xe môtô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 62S1-276.18 trị giá 37.200.000 đồng của chị Trần Nguyễn Ngọc D.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, xuất phát từ việc lười biếng lao động, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để bán lấy tiền tiêu xài, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên phải chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng nên có đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự; Ngoài ra, bị cáo H đã có 02 tiền án về tội "Che giấu tội phạm" và tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội, lần phạm tội này được xem là tái phạm nguy hiểm là tình tiết định khung theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét vai trò của các bị cáo: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có phân công vai trò cụ thể cho từng người, không có sự câu kết chặt chẽ trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo H và bị cáo T là đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người rủ bị cáo H phạm tội nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn bị cáo H.

[5] Tình tiết tăng nặng: Không.

[6] Tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải nên các bị cáo được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Nhân thân: Bị cáo H đã có 02 tiền án về tội "Che giấu tội phạm" và "Tàng trữ trái phép chất ma túy", chưa được xóa án tích, lần phạm tội này được xem là tái phạm nguy hiểm; Bị cáo T có tiền án về tội cướp tài sản, đã được xóa án tích; đã bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong và đã đủ thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Như vậy, các bị cáo đều có nhân thân xấu.

Từ căn cứ nêu trên xét thấy việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng đối với các bị cáo là có căn cứ. Đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Minh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của các bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khung hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[8] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng". Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là người lao động tự do, không nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9] Xử lý vật chứng: Không có.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Nguyễn Ngọc D yêu cầu bị cáo T và bị cáo H liên đới bồi thường số tiền 37.200.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 584, 587, 589 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại các Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bồi thường cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Mỹ H 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/9/2022.

2/ Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Minh T 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 03/9/2022.

3/ Trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 587, 589 Bộ luật Dân sự.

- Buộc bị cáo Lê Thị Mỹ H và bị cáo Trần Minh T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho chị Trần Nguyễn Ngọc D số tiền 37.200.000 (Ba mươi bảy triệu hai trăm nghìn) đồng. Mỗi bị cáo có nghĩa vụ phải bồi thường cho chị D số tiền 18.600.000 (Mười tám triệu sáu trăm nghìn) đồng.

- Ghi nhận anh Nguyễn Phong Lưu không yêu cầu chị Trần Nguyễn Ngọc D phải bồi thường giá trị tài sản bị các bị cáo chiếm đoạt.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4/ Án phí: Căn cứ vào Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị Mỹ H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Minh T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lê Thị Mỹ H phải chịu 930.000 (Chín trăm ba mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Minh T phải chịu 930.000 (Chín trăm ba mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5/ Quyền kháng cáo:

- Bị cáo Lê Thị Mỹ H, bị cáo Trần Minh T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Phong Lưu được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị hại Trần Nguyễn Ngọc D được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT. TANDTC (Vụ 1);
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Cấp cao tại TPHCM;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Tây Ninh;
- CA TX. Trảng Bàng;
- NTG CA. TX. Trảng Bàng;
- Phòng lý lịch Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Bị cáo;
- Những người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tài